



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010580 MM18011957	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/01/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ *Address* : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO - SUSU (S-SCUTT-01)**
 Số lượng/ *Quantity* : **1**
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **10/01/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **17/01/2018**

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	< 01	ISO 21528-2:2004 (*)
2	Listeria monocytogenes	CFU/ml	< 01	ISO 11290- 2:1998/Amd.1:2004 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
*Officer in charge of laboratory***

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
 (V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 (T) 18001105
 (S) (84.28) 3911 7216
 (E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 (V) F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (T) (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 (S) (84.292) 3918 219
 (E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (V) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (T) (84.258) 3811 808
 (S) (84.258) 3811 809
 (E) vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010580 MM18011957	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/01/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ *Address* : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO - SUSU (S-SCUTT-01)**
 Số lượng/ *Quantity* : **1**
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **10/01/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **17/01/2018**

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Antimon (Sb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,01	CASE.TN.0026(*) (Ref.TCVN 4622-94)
2	Arsen (As)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,01	AOAC 986.15(*)
3	Cadimi (Cd)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
4	Chì (Pb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
5	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	AOAC 971.21(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / *Method is accredited by VILAS*

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / *Subcontracted test.*

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Th.S. Nguyễn Thành Duyệt

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH

19/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

19/ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 (84.292) 3918 219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 3811 808
 (84.258) 3811 809
 vanphongmientrung@case.vn

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010580 MM18011957	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/01/2018
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO - SUSU (S-SCUTT-01)**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/01/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **17/01/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin M ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (HPLC_Ref. AOAC 986.16)(*)
2	Melamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0023 (GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S. Nguyễn Thành Duy

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 (84.292) 3918 219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 3811 808
 (84.258) 3811 809
 vanphongmien trung@case.vn

Mã số mẫu/ Sample Code BN18010580 MM18011957	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/01/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ *Address* : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ *Name of sample* : **SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO - SUSU (S-SCUTT-01)**
 Số lượng/ *Quantity* : **1**
 Tình trạng mẫu/ *Sample description* : **Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : **10/01/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : **17/01/2018**

STT/ <i>No</i>	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Aldrin và Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
2	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
3	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58-76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
4	Cyfluthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
5	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
6	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ *Information of sample is written as customer's request.*

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *This testing result is only valid on tested sample.*

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
 ☎ 18001105
 ☎ (84.28) 3911 7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 ☎ (84.292) 3918 219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 3811 808
 ☎ (84.258) 3811 809
 ✉ vanphongmientrung@case.vn

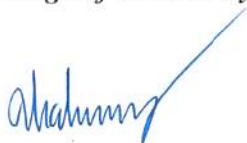
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
8	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19- 32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
9	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
10	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58-76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
11	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	Ref (CASE.NC.0032)
12	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	Ref(CASE.NC.0056)
13	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	BIOCHIP

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Th.S. Nguyễn Thành Duy

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thử Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

9/ F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918 219
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

9/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 3811 808
☎ (84.258) 3811 809
✉ vanphongmienntrung@case.vn



Số: **008766** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07761.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO NHÃN HIỆU SUSU
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 10 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 03/05/2018
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	Ref. CLG-AGON1.08	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	05/05/2018
2	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
3	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	06/05/2018
4	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	06/05/2018
5	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	06/05/2018
6	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
7	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
8	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	13/05/2018
9	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
10	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	13/05/2018
11	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	06/05/2018

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
13	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	06/05/2018
14	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	06/05/2018
15	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	06/05/2018
16	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	06/05/2018
17	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	06/05/2018
18	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
19	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018
20	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	06/05/2018
21	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	06/05/2018
22	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/05/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**


Ths. Nguyễn Đức Thịnh

**CT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**Ths.Bs Phạm Kim Anh**

Số: **008767** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07762.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG TÁO NHO NHÃN HIỆU SUSU
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-27
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 10 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 03/05/2018
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
2	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
3	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
4	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
5	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
6	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
7	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
8	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
9	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
10	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
11	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018

Mã số mẫu: 07762.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
13	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
14	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
15	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
16	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
17	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	06/05/2018
18	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
19	Clordan	HD.PP.141/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	06/05/2018
20	Diphenylamin	HD.PP.141/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0001 mg/kg	06/05/2018
21	Fenpyroximat	HD.PP.141/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	06/05/2018
22	Heptaclor	HD.PP.141/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	06/05/2018
23	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/05/2018
24	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
25	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
26	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
27	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
28	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	06/05/2018
29	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
30	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
31	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
32	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
33	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
34	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
35	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
36	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	09/05/2018
37	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	06/05/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Mã số mẫu: 07762.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
39	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
40	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
41	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	06/05/2018
42	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
43	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/05/2018
44	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
45	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
46	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
47	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	09/05/2018
48	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
49	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
50	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/05/2018
51	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
52	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
53	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
54	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
55	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
56	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005mg/kg	06/05/2018
57	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
58	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05mg/kg	06/05/2018
59	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
60	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
61	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
62	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
63	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018

D/C: 159 Hung phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

BM.5.10.3

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email:xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

3 / 5

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	06/05/2018
65	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
66	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
67	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	09/05/2018
68	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
69	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
70	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
71	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
72	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
73	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
74	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
75	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
76	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
77	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
78	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	06/05/2018
79	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
80	Tebufozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
81	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
82	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
83	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
84	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
85	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/05/2018
86	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/05/2018
87	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/05/2018
88	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018
89	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/05/2018